

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TÊH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Trung Lan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng xét sơ thẩm thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXX-ST ngày 04/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-NHGD ngày 26/4/2024 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 02/TB-DS ngày 09/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Thu H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn F, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Đinh Cảnh T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn F, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Tạ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Cảnh T tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/12/2007 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Vì vậy chị H yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Cảnh T.

Về con chung: Chị **H** xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị và anh **Đình Cảnh T** có 02 con chung là **Đình Gia B**, sinh 26/8/2008 và **Đình Gia Đ**, sinh ngày 16/10/2011. Nguyên vọng của chị **H** sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Chị **H** không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa chị **H** thay đổi yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể do hiện nay cả hai con đều có nguyện vọng được ở với anh **T** nên chị đồng ý giao hai con cho anh **T** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị **H** yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị và anh **T** không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh **Đình Cảnh T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh **T** không muốn ly hôn vì các con còn nhỏ.

Về con chung: Anh **T** xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa anh và chị **Tạ Thị Thu H** có 02 con chung là **Đình Gia B**, sinh 26/8/2008 và **Đình Gia Đ**, sinh ngày 16/10/2011. Anh **T** cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Anh **T** không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **T** không có lời khai nào liên quan đến tài sản chung và nợ chung.

*Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và bị đơn anh **Đình Cảnh T** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Tạ Thị Thu H**. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Tạ Thị Thu H** và anh **Đình Cảnh T** được ly hôn; Về con chung: Giao hai cháu là **Đình Gia B**, sinh 26/8/2008 và **Đình Gia Đ**, sinh ngày 16/10/2011 cho anh **Đình Cảnh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **H** không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về

án phí: Buộc chị **Tạ Thị Thu H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xuất phát từ việc chị **Tạ Thị Thu H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Đình Cảnh T** và khi ly hôn chị **H** có yêu cầu được giải quyết về việc nuôi con. Bị đơn anh **T** cư trú tại **Thôn F, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Tại phiên tòa chị **H** thay đổi yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự xét thấy việc thay đổi yêu cầu của chị **H** không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Bị đơn anh **Đình Cảnh T** mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Tạ Thị Thu H** và anh **Đình Cảnh T** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/12/2007 tại **UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Ngày 28/3/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **T** thì được chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Anh **T** làm bảo vệ tại trại heo ở **Thôn G, xã M** nên thường xuyên không có ở nhà. Giữa hai vợ chồng không thấy có xô xát hay to tiếng gì nhưng có nghe chị **H** nói vợ chồng anh chị chung sống không có tình cảm và chán nản với cuộc sống hôn nhân hiện tại.

Quá trình giải quyết vụ án anh **T** có lời khai không đồng ý ly hôn với chị **H** vì các con còn nhỏ. Như vậy có thể thấy rằng nguyên nhân anh **T** không muốn ly hôn với chị **H** không phải vì vẫn còn tình cảm với chị **H**; còn chị **H** xác định hiện không còn tình cảm gì với anh **T** và chị **H** cương quyết yêu cầu ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên có thể xác định mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp

nhận yêu cầu ly hôn của chị **H**, xử cho chị **Tạ Thị Thu H** được ly hôn anh **Đình Cảnh T** là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Chị **H** và anh **T** đều xác định trong quá trình chung sống cùng nhau giữa anh chị có 02 con chung là **Đình Gia B**, sinh 26/8/2008 và **Đình Gia Đ**, sinh ngày 16/10/2011. Quá trình giải quyết vụ án anh **T** cũng có lời khai muốn trực tiếp nuôi cả hai con. Xét thấy hiện nay anh có công việc và tiền lương hàng tháng ổn định đồng thời cháu **B** và cháu **Đ** cũng có bản tự khai trình bày nguyện vọng của các cháu được ở với bố và tại phiên tòa hôm nay chị **H** cũng đồng ý giao cả hai con cho anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt cũng như xem xét nguyện vọng của các cháu, nhận thấy cần tiếp tục giao hai con chung là **Đình Gia B**, sinh 26/8/2008 và **Đình Gia Đ**, sinh ngày 16/10/2011 cho anh **Đình Cảnh T** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị **H** có nguyện vọng không phải cấp dưỡng nuôi con còn anh **T** trong lời khai của mình cũng không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị **H** xác định trong quá trình chung sống giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này các bên có tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Buộc chị **Tạ Thị Thu H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Tạ Thị Thu H.** Cho chị **Tạ Thị Thu H** và anh **Đình Cảnh T** được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là **Đình Gia B**, sinh 26/8/2008 và **Đình Gia Đ**, sinh ngày 16/10/2011 cho anh **Đình Cảnh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị **Tạ Thị Thu H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị **Tạ Thị Thu H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007820 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đa Tễh, tỉnh Lâm Đồng. Xác nhận chị **H** đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện huyện Đa Tễh;
- Chi cục THADS huyện Đa Tễh;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tiến Dũng

